

Số: 89/2014/CV-CT

Tiền Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2014

Công bố thông tin Báo cáo tài chính đã kiểm
toán năm 2013

Kính gửi:

**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAILẬY**
2. Mã chứng khoán: **MKV**
3. Địa chỉ: **Khu 5, thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang**
4. Điện thoại: **073 3820974** -Fax: **073 3826363**
5. Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN ANH TUẤN**
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính năm 2013 đã kiểm toán của **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAILẬY** được lập ngày 20/02/2014 bao gồm:

- ✓ Bảng cân đối kế toán
- ✓ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh
- ✓ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- ✓ Thuyết minh báo cáo tài chính

6.2 Báo cáo tài chính năm 2013 đã kiểm toán có lợi nhuận trước thuế 1.598.266.674 đồng so với năm 2012 âm 2.225.706.832 đồng. Công ty chúng tôi có giải trình sau:

- Do doanh thu thuần năm 2013 đạt 46.029.362.670 đồng tăng hơn 41,51% so với năm 2012 là 32.526.951.439 đồng.

- Trong năm 2013 công ty chi trích dự phòng công nợ phải thu khó đòi là 212.872.539 đồng so với năm 2012 là 2.537.357.556 đồng

- Ngoài ra trong năm 2013 công ty có thanh lý một số tài sản cố định không cần dùng nữa 409.496.652 đồng

- Lợi nhuận sau thuế năm 2013 sau kiểm toán giảm 174.568.552 đồng so với trước kiểm toán do tính lại phần thuế thu nhập doanh nghiệp cho khoản chi phí trích trước.

Với lý do nêu trên đã dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2013 của công ty đạt kết quả như nêu trên.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: **www.mekovet.com.vn** ; **www.cailayvet.com.vn**

Công ty cổ phần dược thú y Cai Lậy cam kết thực hiện đúng quy định về việc công bố thông tin của Tổ chức niêm yết.

Trân trọng kính chào.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT
- TGD
- Lưu VPCT.



NGUYỄN ANH TUẤN



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC THÚ Y CAI LẬY**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 28

16
N
C
P
E

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200505472 ngày 28 tháng 01 năm 2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 5 năm 2013.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 07 tháng 5 năm 2013 là 30.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.
- Khai thác thủy sản biển.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Kinh doanh hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ.
- Kinh doanh phân bón. Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ. Nuôi trồng thủy sản biển.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Chăn nuôi gia cầm.
- Trồng lúa.
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- Sản xuất, gia công, chế biến hàng lâm sản. Sản xuất, gia công hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ.
- Trang trại chăn nuôi theo quy mô công nghiệp.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch HĐQT – bổ nhiệm ngày 18/04/2013
Ông Quách Mạnh Hào	Phó chủ tịch HĐQT – bổ nhiệm ngày 18/04/2013
Ông David John Whitehead	Phó chủ tịch HĐQT – bổ nhiệm ngày 18/04/2013
Ông Vũ Tiến Đạt	Ủy viên HĐQT – bổ nhiệm ngày 18/04/2013
Ông Đào Mạnh Hòa	Ủy viên HĐQT – bổ nhiệm ngày 18/04/2013
Bà Thẩm Thị Thúy	Chủ tịch HĐQT – từ nhiệm ngày 18/04/2013
Ông Nguyễn Văn Vinh	Phó chủ tịch HĐQT – từ nhiệm ngày 23/01/2013
Ông Lê Hồng Hải	Ủy viên HĐQT – từ nhiệm ngày 18/04/2013
Ông Nguyễn Dương An	Ủy viên HĐQT – từ nhiệm ngày 18/04/2013
Bà Trần Thị Thu Tâm	Ủy viên HĐQT – từ nhiệm ngày 18/03/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THỦ Y CẠI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Vũ Tiến Đạt	Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

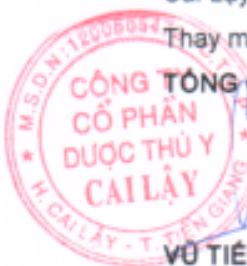
5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Cai Lậy, ngày 27 tháng 3 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ TIẾN ĐẠT



Số: 14.119/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THỦ Y CAI LẠY

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Thủ Y Cai Lay (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 2 năm 2014 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(Phần tiếp theo ở trang 4)



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Thủ Y Cai Lậy vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TÀNG QUỐC THẮNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THỦY PHƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1191-2013-026-1

023
CỔ
CH
KIẾ
D
/

11/3
7
2
5/10

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.757.317.398	10.472.387.592
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.952.586.474	2.669.227.666
1. Tiền	111		1.952.586.474	2.669.227.666
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	9.739.421.512	2.120.984.526
1. Phải thu khách hàng	131		14.517.904.027	6.775.272.989
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		371.747.580	283.069.093
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.150.230.095)	(4.937.357.556)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	9.419.703.128	4.599.040.796
1. Hàng tồn kho	141		9.419.703.128	4.599.040.796
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.645.606.284	1.083.134.604
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		151.988.800	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	3.243.688.217	73.651.569
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	249.929.267	1.009.483.035

(Phần tiếp theo trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.237.540.419	7.947.571.934
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		41.080.715.419	7.704.864.261
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	2.282.113.779	1.531.975.029
+ Nguyên giá	222		6.960.943.160	6.799.334.756
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.678.829.381)	(5.267.359.727)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.7	4.738.799.395	-
+ Nguyên giá	225		4.755.645.855	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(16.846.460)	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	1.583.984.545	1.529.722.231
+ Nguyên giá	228		1.618.017.875	1.550.100.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.033.330)	(20.377.769)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	32.475.817.700	4.643.167.001
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.156.825.000	242.707.673
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	1.166.331.000	242.707.673
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.11	990.494.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		67.994.857.817	18.419.959.526

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		43.404.011.511	8.666.743.233
I. Nợ ngắn hạn	310		17.619.759.712	8.230.290.233
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	7.601.320.709	4.650.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.13	5.997.247.980	1.329.249.746
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	-	581.807.084
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	1.774.368.958	287.937.137
5. Phải trả người lao động	315	5.15	1.023.183.616	108.276.053
6. Chi phí phải trả	316	5.16	1.223.846.083	96.190.897
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.17	37.023.447	1.174.060.397
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.18	(37.231.081)	2.768.919
II. Nợ dài hạn	330		25.784.251.799	436.453.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.19	25.764.251.799	416.453.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		20.000.000	20.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24.590.846.306	9.753.216.293
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	24.590.846.306	9.753.216.293
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26.891.630.000	11.236.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(380.000)	(380.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.817.459	508.817.459
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		61.045.665	234.485.665
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(2.370.266.818)	(2.225.706.831)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		67.994.857.817	18.419.959.526

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THỦ Y CẠI LẬY

Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.903.303.817	1.903.303.817
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		218.74	218.50
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TRẦN HOÀNG SƠN**

Tiền Giang, ngày 20 tháng 2 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC**VŨ TIẾN ĐẠT**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	50.140.593.196	38.489.111.818
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.111.230.526	5.962.160.379
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		46.029.362.670	32.526.951.439
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	26.005.591.393	17.619.495.545
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.023.771.277	14.907.455.894
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	95.519.550	33.189.021
7. Chi phí tài chính	22	6.4	4.797.602.283	3.909.951.881
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2.067.247.421	757.909.151
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	9.372.022.773	7.563.424.657
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	4.531.133.527	5.789.058.600
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.418.532.244	(2.321.790.223)
11. Thu nhập khác	31	6.7	4.180.636.362	186.969.949
12. Chi phí khác	32	6.8	4.000.901.932	90.886.558
13. Lợi nhuận khác	40		179.734.430	96.083.391
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.598.266.674	(2.225.706.832)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	739.586.490	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		858.680.184	(2.225.706.832)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20.4	347	(1.981)

Tiền Giang, ngày 20 tháng 2 năm 2014

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN HOÀNG SƠN

TỔNG GIÁM ĐỐC




VŨ TIÊN ĐẠT

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.598.266.674	(2.225.706.832)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		373.469.597	512.473.645
Các khoản dự phòng	03		212.872.539	2.537.357.556
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(634.964.802)	203.685.831
Chi phí lãi vay	06		2.067.247.421	757.909.151
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.616.891.429	1.785.719.351
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.232.286.405)	30.133.876
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.820.662.332)	795.554.123
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		4.649.256.266	1.366.822.784
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(930.487.164)	(89.335.852)
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.067.247.421)	(757.909.151)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(409.192.708)	(60.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(40.000.000)	(194.573.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(11.233.728.335)	2.876.411.356
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(32.698.172.793)	(1.484.752.857)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.098.818.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(50.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	22.326.374
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		95.519.550	23.987.795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(28.503.835.061)	(1.488.438.688)

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY

Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.922.207.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		41.490.000.000	11.640.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13.368.000.000)	(11.602.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(23.284.796)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		39.020.922.204	38.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(716.641.192)	1.425.972.668
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.669.227.666	1.243.254.998
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		1.952.586.474	2.669.227.666

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN HOÀNG SƠN

Tiền Giang, ngày 20 tháng 2 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



 VŨ TIẾN ĐẠT

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200505472 ngày 28 tháng 01 năm 2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 5 năm 2013.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 07 tháng 5 năm 2013 là 30.000.000.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.
- Khai thác thủy sản biển.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Kinh doanh hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ.
- Kinh doanh phân bón. Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ. Nuôi trồng thủy sản biển.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Chăn nuôi gia cầm.
- Trồng lúa.
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- Sản xuất, gia công, chế biến hàng lâm sản. Sản xuất, gia công hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ
- Trang trại chăn nuôi theo quy mô công nghiệp.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

4.5 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm công cụ dụng cụ và các chi phí khác và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 06 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.8 Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản nợ phải trả tương ứng cho người đi thuê được hạch toán như khoản nợ thuê tài chính phải trả. Khoản thanh toán tiền thuê được phân tách thành chi phí tài chính và khoản giảm trừ nợ thuê tài chính phải trả để đạt được tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả. Chi phí tài chính được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh trừ khi chúng liên quan tới các tài sản đủ tiêu chuẩn trong trường hợp chúng được vốn hóa theo chính sách kế toán chi phí lãi vay của Công ty.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị	5 năm
-------------------	-------

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

4.9 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.11 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toàn trong năm 2012.

4.12 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm: cổ phiếu ngân quỹ.

4.15 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 25%
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của hàng hóa là thuốc thú y do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 5%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.513.979.915	1.090.954.689
Tiền gửi ngân hàng	438.606.559	1.578.272.977
Tổng cộng	1.952.586.474	2.669.227.666

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	14.517.904.027	6.775.272.989
Các khoản phải thu khác	371.747.580	283.069.093
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	14.889.651.607	7.058.342.082
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.150.230.095)	(4.937.357.556)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	9.739.421.512	2.120.984.526

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CẠI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	5.871.215.290	2.896.910.701
Thành phẩm	2.560.904.350	576.376.702
Hàng hóa	-	485.829.322
Hàng gửi bán	987.583.488	639.924.071
Cộng giá gốc hàng tồn kho	9.419.703.128	4.599.040.796
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	9.419.703.128	4.599.040.796

5.4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	73.651.569
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	3.243.688.217	-
Tổng cộng	3.243.688.217	73.651.569

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác là các khoản tạm ứng mua vật tư và tạm ứng công tác của nhân viên.

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	ĐVT: ngàn đồng	
				Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.680.395	2.026.895	1.709.726	182.319	6.799.335
Mua trong năm	-	681.559	210.812	-	892.371
Đầu tư XDCB hoàn thành	731.742	-	-	-	731.742
Tăng khác	-	-	93.385	-	93.385
Thanh lý, nhượng bán	(907.346)	-	-	-	(907.346)
Giảm khác	-	(466.225)	-	(182.319)	(648.544)
Số dư cuối năm	2.704.791	2.242.229	2.013.923	-	6.960.943
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.082.567	1.824.639	1.242.100	118.053	5.267.359
Khấu hao trong năm	58.122	93.556	154.527	31.208	337.413
Thanh lý, nhượng bán	(422.524)	-	-	-	(422.524)
Giảm khác	-	(354.158)	-	(149.261)	(503.419)
Số dư cuối năm	1.718.165	1.564.037	1.396.627	-	4.678.829
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	797.828	202.256	467.626	64.266	1.531.976
Tại ngày cuối năm	986.626	678.192	617.296	-	2.282.114

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 1.694.617.780 đồng – Xem thêm mục 5.12.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.598.505.237 đồng.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	VND	
	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	-	-
Thuê tài chính trong năm	4.755.645.855	4.755.645.855
Số dư cuối năm	4.755.645.855	4.755.645.855
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	16.846.460	16.846.460
Số dư cuối năm	16.846.460	16.846.460
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	4.738.799.395	4.738.799.395

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THỦ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	VND
			Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.462.100.000	88.000.000	1.550.100.000
Mua trong năm	3.148.024.340	-	3.148.024.340
Thanh lý, nhượng bán	(3.070.106.465)	(10.000.000)	(3.080.106.465)
Số dư cuối năm	1.540.017.875	78.000.000	1.618.017.875
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	20.377.769	20.377.769
Khấu hao trong năm	-	19.211.129	19.211.129
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.555.568)	(5.555.568)
Số dư cuối năm	-	34.033.330	34.033.330
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.462.100.000	67.622.231	1.529.722.231
Tại ngày cuối năm	1.540.017.875	43.966.670	1.583.984.545

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 1.540.017.875 đồng – Xem thêm mục 5.12.

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công trình nhà máy sản xuất thuốc thú y Cai Lậy – thế chấp cho khoản vay – xem thêm mục 5.19	32.475.817.700	1.544.199.126
Đất 2.048,6 m ² huyện Chợ Gạo	-	1.531.767.875
Đất 6.989,9 m ² huyện Cai Lậy	-	1.550.000.000
Khác	-	17.200.000
Tổng cộng	32.475.817.700	4.643.167.001

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

Đây là chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

5.11. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ, ký cược nhằm mục đích đích thuê tài chính máy móc thiết bị phục vụ sản xuất tại nhà máy theo chuẩn GMP.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

5.12. Vay và nợ ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	7.000.000.000	4.650.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả - xem thêm mục 5.19	601.320.709	-
Tổng cộng	7.601.320.709	4.650.000.000

Vay ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng vay số 865.13.118.1437874.HMTD.DN ngày 05 tháng 6 năm 2013 có hạn mức tối đa: 7.000.000.000 đồng được thế chấp bằng tài sản (Xem thêm mục 5.6 và 5.8), mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc thú y và chịu lãi suất thả nổi theo từng kế ước nhận nợ.

5.13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	5.997.247.980	1.329.249.746
Người mua trả tiền trước	-	581.807.084
Tổng cộng	5.997.247.980	1.911.056.830

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	-	78.886.836
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.259.982.384	-
Thuế thu nhập cá nhân	387.213.371	209.050.301
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	26.000.000	-
Các loại thuế khác	101.173.203	-
Tổng cộng	1.774.368.958	287.937.137

5.15. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2013 còn phải trả cho người lao động.

5.16. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chiết khấu bán hàng năm	312.955.800	96.190.897
Tiền thưởng hoàn thành kế hoạch kinh doanh	300.000.000	-
Chi phí hội nghị khách hàng năm 2013	400.000.000	-
Khác	210.890.283	-
Tổng cộng	1.223.846.083	96.190.897

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

5.17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	28.707.430	10.000.000
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	8.316.017	37.881.407
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	1.126.178.990
Tổng cộng	37.023.447	1.174.060.397

5.18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.768.919	-
Trích lập trong năm	-	46.130.000
Sử dụng trong năm	(40.000.000)	(43.361.081)
Số dư cuối năm	(37.231.081)	2.768.919

5.19. Vay và nợ dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	23.000.000.000	228.000.000
Vay đối tượng khác	188.453.000	188.453.000
Nợ thuê tài chính	2.575.798.799	-
Tổng cộng	25.764.251.799	416.453.000

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh có thời hạn 4 năm với lãi suất từ theo từng kế ước nhận nợ, các khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai: toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của Nhà máy sản xuất thuốc thú y Cai Lậy - Xem thêm mục 5.9.

Vay đối tượng khác là các khoản vay kinh phí sự nghiệp khoa học từ Sở khoa học công nghệ Tỉnh Tiền Giang nhằm đầu tư dự án trồng cây trà trà để trích tinh dầu, khoản vay này không tính lãi.

Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính về máy móc thiết bị với thời hạn 4 năm. Số dư nợ gốc đến 31/12/2013 là 3.177.119.508 đồng, nợ thuê tài chính đến hạn trả là 601.320.709 đồng – Xem thêm mục 5.12.

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

5.20. Vốn chủ sở hữu**5.20.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	DVT: ngàn đồng					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	11.236.000	(380)	488.818	214.485	86.130	12.025.053
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(2.225.707)	(2.225.707)
Trích lập quỹ	-	-	20.000	20.000	(86.130)	(46.130)
Số dư đầu năm nay	11.236.000	(380)	508.818	234.485	(2.225.707)	9.753.216
Tăng vốn năm nay	15.655.630	-	(500.000)	(173.440)	-	14.982.190
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	858.680	858.680
Giảm khác	-	-	-	-	(1.003.240)	(1.003.240)
Số dư cuối năm nay	26.891.630	(380)	8.818	61.045	(2.370.267)	24.590.846

5.20.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Bà Thẩm Thị Thúy	-	5.472.000.000
Vốn góp của Công ty CP AUSFEED VN	15.378.590.000	-
Vốn góp của Công ty CP Chứng khoán MB	3.680.320.000	-
Khác	7.832.720.000	5.763.620.000
Tổng cộng	26.891.630.000	11.235.620.000

5.20.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
• Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
• Số lượng cổ phần đã bán ra	2.689.163	1.123.600
• Số lượng cổ phần được mua lại	(38)	(38)
• Số lượng cổ phần đang lưu hành	2.689.125	1.123.562
• Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.20.4. Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi / (Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	858.680.184	(2.225.706.832)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	2.472.899	1.123.562
Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	347	(1.981)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	50.140.593.196	38.489.111.818
Chiết khấu thương mại	(3.350.503.877)	(5.464.712.530)
Giảm giá hàng bán	-	(48.199.211)
Hàng bán bị trả lại	(760.726.649)	(449.248.638)
Doanh thu thuần	46.029.362.670	32.526.951.439

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	26.005.591.393	17.619.495.545
Tổng cộng	26.005.591.393	17.619.495.545

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	95.519.550	23.987.795
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	9.201.226
Tổng cộng	95.519.550	33.189.021

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.067.247.421	757.909.151
Chiết khấu thanh toán	2.613.949.924	2.924.369.104
Chi phí tài chính khác	116.404.936	227.673.626
Tổng cộng	4.797.602.283	3.909.951.881

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.808.877.978	1.055.154.309
Chi phí vật liệu, bao bì	1.485.179	662.324
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.331.297	42.996.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.094.832.574	1.118.036.834
Chi phí bằng tiền khác	6.455.495.745	5.346.574.194
Tổng cộng	9.372.022.773	7.563.424.657

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.439.898.190	778.339.578
Chi phí đồ dùng văn phòng	364.866.510	180.744.904
Chi phí khấu hao TSCĐ	272.846.066	271.454.635
Thuế, phí và lệ phí	466.301.364	282.669.589
Chi phí dự phòng	718.009.402	2.692.357.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.203.009	42.406.245
Chi phí bằng tiền khác	1.174.008.986	1.541.086.093
Tổng cộng	4.531.133.527	5.789.058.600

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cho thuê nhà	81.818.180	77.727.272
Thu nhập từ bán phế liệu	-	9.090.909
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.098.818.182	-
Thu nhập khác	-	100.151.768
Tổng cộng	4.180.636.362	186.969.949

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.559.372.930	-
Chi phí khác	441.529.002	90.886.558
Tổng cộng	4.000.901.932	90.886.558

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	1.598.266.674	(2.225.706.832)
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.360.079.286	90.886.558
Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 25% từ chuyển nhượng bất động sản	(658.764.365)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	2.299.581.595	(2.134.820.274)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	574.895.399	-
Cộng khoản thuế TNDN từ thu nhập khác chuyển nhượng bất động sản	164.691.091	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	739.586.490	-

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THỦ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.667.213.519	14.609.404.399
Giá vốn hàng thương mại	941.513.062	323.689.067
Chi phí nhân công	5.853.196.988	3.486.005.009
Chi phí khấu hao tài sản cố định	373.469.597	512.473.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.247.082.833	1.354.804.843
Chi phí khác bằng tiền	13.810.799.342	10.446.527.796
Tổng cộng	41.893.275.341	30.732.904.759

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	230.000.000	59.500.000
Lương Tổng Giám đốc	240.000.000	175.000.000
Lương các nhân viên quản lý chủ chốt khác	-	96.000.000
Tổng cộng	470.000.000	330.500.000

8. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Công ty đang thuê máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính 5 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 4 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	601.320.709	-
Trên 1 năm đến 5 năm	2.575.798.799	-
Tổng cộng	3.177.119.508	-

Nghĩa vụ nợ được phân loại theo:

	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn	601.320.709	-
Dài hạn	2.575.798.799	-
Tổng cộng	3.177.119.508	-

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

• Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

• Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.952.586.474	2.669.227.666
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.367.673.932	1.837.915.433
Tài sản tài chính khác	990.494.000	-
Tổng cộng	12.310.754.406	4.507.143.099
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	33.365.572.508	5.066.453.000
Phải trả người bán và phải trả khác	5.997.247.980	1.329.249.746
Chi phí phải trả	1.223.846.083	96.190.897
Tổng cộng	40.586.666.571	6.491.893.643

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	-	-	218,74	218,50

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THỦ Y CAI LẬY

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

• Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

• Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả

	VND		
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	5.997.247.980	-	5.997.247.980
Chi phí phải trả	1.223.846.083	-	1.223.846.083
Các khoản vay	7.000.000.000	23.188.453.000	30.188.453.000
Công nợ tài sản tài chính đi thuê	601.320.709	2.575.798.799	3.177.119.508
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	1.329.249.746	-	1.329.249.746
Chi phí phải trả	96.190.897	-	96.190.897
Các khoản vay	4.650.000.000	416.453.000	5.066.453.000

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.367.673.932	-	9.367.673.932
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.837.915.433	-	1.837.915.433